

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày 03-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tiến Dũng.

Ông Vi Lê Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024, Thông báo chuyển ngày xét xử số: 02/2024/TB-TA ngày 22 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phương Văn H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1982, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Vi Thị L và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Lương Văn H1, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1987, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L1; có vợ là Lương Thị H2 và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/7/2008, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, về tội cướp giật tài sản, án tích đã được xoá; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Lương Văn C1, sinh ngày 14 tháng 02 năm 1983, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N và bà Lê Thị L2; có vợ là Quách Thị Y và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/7/2013, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 tháng tù về tội đánh bạc; ngày 21/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng về tội đánh bạc, các án tích đã được xóa; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Nông Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1995, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T1 và bà Triệu Thị L3; có vợ là Lương Thị Thúy V và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1979, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 và bà Lại Thị H4; có vợ là Hoàng Thị T3 và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

6. Trịnh Văn T4, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1982, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn L4 (đã chết) và bà Lăng Thị T5; có vợ là Triệu Thị H5 và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1995. Vắng mặt.
2. Ông Lương Sĩ H6, sinh năm 1997. Vắng mặt.
3. Ông Nông Văn T6, sinh năm 1980. Vắng mặt.
4. Ông Lương Văn T7, sinh năm 1978. Vắng mặt.
5. Ông Ngô Văn T8, sinh năm 1954. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 24/12/2023, Phương Văn H, Lương Văn C1, Nguyễn Văn T2, Nông Văn Đ, Trịnh Văn T4 và Lương Văn H1 đến ăn cỗ tại nhà ông Lương Văn T7 ở thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, sau khi ăn cỗ xong, Phương Văn H và Trịnh Văn T4 thấy tại đồi cây phía sau nhà có một nhóm người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên đến tham gia đánh bạc cùng. Phương Văn H và Trịnh Văn T4 đánh bạc được khoảng 20 phút thì người xóc cái nghỉ nên Phương Văn H vào thay vị trí xóc cái, sau đó có Lương Văn H1, Lương Văn C1, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2 vào tham gia đánh bạc.

Quá trình đánh bạc, Lương Văn C1, Nông Văn Đ thua hết tiền nên về trước, những người còn lại tiếp tục đánh bạc đến 15 giờ 45 phút ngày 24/12/2023, thì bị phát hiện, bắt quả tang. Tạm giữ 5.500.000 đồng Lương Văn Hùng đang cầm trên tay; 01 chiếc bát sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị bằng vỏ hộp thuốc lá Thăng Long. Phương Văn H, Trịnh Văn T4, Nguyễn Văn T2 và một số người khác bỏ chạy. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T2 giao nộp 200.000 đồng, Phương Văn H giao nộp 50.000 đồng là tiền sử dụng đánh bạc.

Quá trình điều tra làm rõ tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 5.750.000 đồng, gồm toàn bộ số tiền thu giữ trên người Lương Văn H1 và số tiền Nguyễn Văn T2, Phương Văn H giao nộp. Trong đó, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: Phương Văn H sử dụng 300.000 đồng; Lương Văn H1 sử dụng 500.000 đồng; Lương Văn C1 sử dụng 40.000 đồng; Nông Văn Đ sử dụng 400.000 đồng; Nguyễn Văn T2 sử dụng 250.000 đồng; Trịnh Văn T4 sử dụng 200.000 đồng. Số tiền đánh bạc còn lại là của các đối tượng không xác định được lai lịch đã bỏ về hoặc chạy thoát.

Với nội dung như trên Cáo trạng số: 27/CT-VKS-HL ngày 05 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, đã truy tố các bị cáo Phương Văn H, Lương Văn H1, Lương Văn C1, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Trịnh Văn T4, về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phương Văn H, Lương Văn H1, Lương Văn C1, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Trịnh Văn T4, phạm tội Đánh bạc. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Phương Văn H, xử phạt bị cáo từ 08-10 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Lương Văn H1, Lương Văn C1, xử phạt bị cáo Lương Văn C1 từ 12-15 tháng tù cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Lương Văn H1 từ 10-12 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Trịnh Văn T4, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, xử phạt các bị cáo từ 06-08 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị; tịch thu nộp ngân sách số tiền 5.750.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 13 giờ 40 phút đến 15 giờ 45 phút ngày 24/12/2023, các bị cáo Phương Văn H, Lương Văn H1, Lương Văn C1, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Trịnh Văn T4, đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, tại thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 5.750.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương và bức xúc trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác. Xét thấy đây là vụ án có đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó các đối tượng đánh bạc từ trước đã bỏ về hoặc chạy thoát nhưng không xác định được lai lịch có vai trò chính, bị cáo Phương Văn H vào tham gia đánh bạc sau nhưng tham gia tích cực nhất thay vị trí xóc cái của đối tượng đánh bạc trước nên có vai trò thứ hai, các bị cáo Lương Văn H1, Lương Văn C1, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Trịnh Văn T4, là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Phương Văn H, Trịnh Văn T4, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, là người có nhân thân tốt; bị cáo Lương Văn H1, Lương Văn C1, từng có tiền án nhưng đã được xóa. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phương Văn H, Trịnh Văn T4, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo Lương Văn C1 có bố được tặng thưởng Huy chương, bị cáo Lương Văn C1, Lương Văn H1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo Lương Văn H1, Lương Văn C1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và đề nghị mức hình phạt tù cho hưởng án treo và cải tạo không giam giữ đối với từng bị cáo là phù hợp, để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và

các quy tắc của cuộc sống, đồng thời đảm bảo tính chất rắn đẽ, giáo dục và phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Theo biên bản xác minh và qua tranh tụng tại phiên tòa thể hiện các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo chịu hình phạt cải tạo không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị, là công cụ phương tiện phạm tội tịch thu tiêu hủy; đối với 5.750.000 đồng dùng để đánh bạc tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với các đối tượng tham gia đánh bạc bỏ chạy hoặc bỏ về trước, do các bị cáo, người làm chứng đều không biết các đối tượng đó là ai nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

[9] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Phương Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Lương Văn H1, Lương Văn C1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58, đối với các bị cáo Trịnh Văn T4, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phương Văn H, Lương Văn H1, Lương Văn C1, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Trịnh Văn T4, phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phương Văn H, 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Xử phạt bị cáo Lương Văn C1, 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Xử phạt bị cáo Lương Văn H1, 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phương Văn H, Lương Văn C1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; giao bị cáo Lương Văn H1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn

C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ, 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2, 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

2.6. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T4, 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trịnh Văn T4, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2. Giao bị cáo Trịnh Văn T4, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Trong trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, chi tiết được mô tả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06 tháng 3 năm 2024. Đối với số tiền 5.750.000 đồng đã nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, theo Ủy nhiệm chi ngày 06/3/2024 của Công an huyện H)

4. Về án phí: Các bị cáo Phương Văn H, Lương Văn H1, Lương Văn C1, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Trịnh Văn T4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Hải Đoàn